

Bản án số: 103/2022/HSST
Ngày: 16-12-2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nơi

2. Bà Trần Thị Thủy

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 105/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98 /2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn B, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kh; vợ, con: chưa có; nhân thân: Ngày 12/11/2004 Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội đánh bạc. Ngày 04/4/2006 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 21/01/2008 bị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thời hạn 24 tháng. Ngày 13/6/2012 bị Công an huyện H xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Ngày 28/9/2012 Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 17/01/2014 Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. các bản án trên đều đã được xoá án tích; tiền sự: không;

Tiền án: Bản án số 57/HSST ngày 18/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Bản án số 59/HSST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Bản án số 86/HSST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. B chấp hành xong hình phạt tù ra trại ngày

15/11/2021. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/9/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình (có mặt).

2. Nguyễn Tiến H, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: thôn M, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến Ch và bà V Thị H; có vợ Nguyễn Thị Th và 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 23/9/2022 (có mặt).

Bị hại:

1. Chị Bùi Thị H, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn Vải, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Phạm Minh S, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn H, xã Thái Phương, huyện H, tỉnh Thái Bình

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Tiến Nh, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn M, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 03/6/2022 đến ngày 04/6/2022, Nguyễn Văn B đã Nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện H, tỉnh Thái Bình. Cụ thể:

Lần thứ nhất: khoảng 10 giờ ngày 03/6/2022, B đi xe máy nhãn hiệu Sirius màu xám, biển kiểm soát 27F3-9838 của Nguyễn Văn V (V là anh trai B) đi trên địa bàn xã H, mục đích xem có ai sơ hở trong việc quản lý tài sản thì trộm cắp. Khi đi qua nhà chị Bùi Thị H ở thôn Vải, xã H, huyện H, B đứng lại quan sát thấy cổng và cửa nhà mở, không có ai ở nhà. B đi vào nhà chính lục tìm tài sản nhưng không có, B tiếp tục đi xuống phòng ngủ cạnh nhà chính, B phát hiện thấy trên mặt bàn học có để một chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Acer màu đen và 01 chuột máy tính có dây màu đen, B đi đến lấy máy tính và chuột cho vào túi đựng máy tính để ở cạnh đó rồi đi về. Trên đường về B gọi điện thoại cho Nguyễn Tiến H ở thôn M, xã T, huyện H bảo “có chiếc máy tính xách tay vẫn sử dụng nay không dùng nữa, nếu H mua sẽ bán cho H với giá 1.800.000 đồng”. H đồng ý và có hỏi B về nguồn gốc chiếc máy tính trên, B nói "chiếc máy tính hiện không có nhu cầu sử dụng nên bán". Do H đang ở tỉnh Bình Dương nên bảo với B mang máy tính đến cửa hàng cơ khí nhôm kính của em họ là anh Nguyễn Tiến Nh ở thôn M, xã T, huyện H để Nh trả tiền hộ H. Sau đó B đem máy tính đến cửa hàng

nhôm kính gặp Nh, B hỏi “anh H điện chưa”, Nh bảo “anh H điện rồi” rồi B đưa túi đựng máy tính cho Nh kiểm tra, sau đó Nh đưa lại cho B 1.800.000 đồng. Số tiền bán máy tính trên B đã chi tiêu cá nhân hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 25 ngày 08/8/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H, tỉnh Thái Bình kết luận: 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Acer, màu đen đã qua sử dụng tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là: 4.000.000 đồng; 01 chuột máy tính có dây, nhãn hiệu Fuhlen, màu đen đã qua sử dụng tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là: 100.000 đồng; 01 chiếc túi đựng máy tính màu đen đã qua sử dụng tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là: 60.000 đồng. Tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là: 4.160.000 đồng (*bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Lần thứ hai: khoảng 12 giờ ngày 04/6/2022, B đi bộ từ nhà đến xã Thái Phương, huyện H mục đích xem có ai sơ hở trong việc quản lý tài sản thì trộm cắp. Khi đi qua nhà anh Phạm Minh S ở thôn H, xã Thái Phương, huyện H, B nhìn thấy cổng và cửa nhà chính mở, B đi vào trong nhà thì thấy anh Sang đang nằm ngủ, ở cuối giường nơi anh Sang đang ngủ có 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 màu vàng, ốp lưng bằng màu trắng đang cắm sạc pin. B lén đi đến cạnh giường rồi dùng tay phải lấy chiếc điện thoại cho vào túi quần bên phải phía trước đang mặc rồi đi về. Khi đến Cầu Me, xã T gặp anh trai Nguyễn Văn V đang điều khiển xe mô tô đi về nhà. B nhờ anh V chở đến nhà Nguyễn Tiến H ở thôn M, xã T, huyện H. Khi đến gần nhà H, thì chiếc điện thoại Iphone 8 đổ chuông, B bảo anh V dừng xe lại rồi B tháo sim điện thoại vứt đi, rồi B gọi điện cho H bảo có chiếc điện thoại Iphone 8 không có mặt khóa nên không mở được hỏi H có mua không, H hỏi tại sao không biết mặt khóa, B nói vừa trộm cắp được nếu H mua sẽ bán giá 600.000 đồng, H biết rõ chiếc điện thoại Iphone 8 trên là do B trộm cắp mà có nhưng H vẫn đồng ý mua. Do H đang ở tỉnh Bình Dương nên bảo với B đến cửa hàng của em họ là anh Nguyễn Tiến Nh ở thôn M, xã T, huyện H để Nh trả tiền hộ H. Sau đó anh V chở B đến cửa của anh Nh, khi đến anh V dừng xe đứng ngoài đường đợi còn B cầm điện thoại vào gặp Nh, B hỏi “anh H điện chưa”, Nh bảo “anh H điện rồi”, B đưa điện thoại cho Nh kiểm tra và Nh gọi qua hình ảnh Zalo cho H bảo “điện thoại cài mặt khóa không mở được”, H bảo Nh cứ đưa 600.000 đồng cho B. Sau khi bán điện thoại, B nhờ anh V chở về nhà, trên đường đi anh V có hỏi B “điện thoại ở đâu mà bán”, B bảo “điện thoại của em không dùng nữa nên bán”. Số tiền bán chiếc điện thoại trên B đã chi tiêu cá nhân hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 24 ngày 08/8/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H, tỉnh Thái Bình kết luận: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 8, màu vàng đã qua sử dụng tại thời điểm bị xâm hại có giá trị

thành tiền là: 3.500.000 đồng, 01 chiếc sim điện thoại vinaphone số 0949.001.289 đã qua sử dụng tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là: 100.000 đồng và 01 chiếc ốp lưng nhựa của điện thoại Iphone 8 đã qua sử dụng tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là: 60.000 đồng. Tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị xâm hại là: 3.660.000 đồng (*ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Bản cáo trạng số 107/CT-VKSHH ngày 28/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Nguyễn Tiến H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, bị cáo B và H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo B, bị cáo H và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo B phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 BLHS; xử phạt bị cáo B mức án từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 21/9/2022. Bị cáo H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50 và Điều 65 BLHS; xử phạt bị cáo H từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Chị Bùi Thị H và anh Phạm Minh S đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn B phải bồi thường dân sự, tại phiên tòa bị cáo H không yêu cầu bị cáo B phải trả tiền, nên về trách nhiệm dân sự không xem xét giải quyết. Các bị cáo B, H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo B, H không tranh luận gì. Lời nói sau cùng đều nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại và người làm chứng đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà nhưng vắng mặt. Xét thấy tại giai đoạn điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ nên việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Đơn trình báo và lời khai của bị hại anh Phạm Minh S (bút lục số 02, từ số 74 đến số 77) và chị Bùi Thị H (bút lục số 03, từ số 78 đến số 81); Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu (bút lục từ số 107 đến số 108); biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường (bút lục số 06 đến số 17); các Bản kết luận định giá tài sản số 24, 25/KLĐG cùng ngày 08/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, tỉnh Thái Bình (bút lục số 36, 32); Lời khai của những người làm chứng anh Nguyễn Tiến Nh và Nguyễn Văn V (bút lục số 82 đến số 89). Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Ngày 03/6/2022, tại nhà chị Bùi Thị H ở thôn Vải, xã H, huyện H, Nguyễn Văn B có hành vi trộm cắp của chị Hoài 01 máy tính Laptop nhãn hiệu “Acer” màu đen, 01 chuột máy tính có dây màu đen và 01 túi đựng Laptop màu đen đều đã qua sử dụng có trị giá 4.160.000 đồng. Ngày 04/6/2022, tại nhà anh Phạm Minh S ở thôn H, xã Thái Phương, huyện H, B có hành vi trộm cắp của anh Sang 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 màu vàng, 01 ốp nhựa điện thoại màu trắng, 01 sim điện thoại Vinaphone số 0949.001.289 đều đã qua sử dụng có trị giá 3.660.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn B đã trộm cắp 7.820.000 đồng. Ngày 04/6/2022 Nguyễn Tiến H biết rõ số tài sản, gồm 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 màu vàng, 01 ốp nhựa điện thoại màu trắng là do B trộm cắp mà có được, nhưng H vẫn mua. Bị cáo B đã có ba tiền án, chưa được xóa án tích. Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo B đã vào tội “Trộm cắp tài sản”, thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS. Hành vi của bị cáo Nguyễn Tiến H đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) ...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) ...

g) Tái phạm nguy hiểm.

3.

Điều 323: Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. ...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo B là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nơi địa phương xảy ra tội phạm. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách Nhiệm hình sự, nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng do bị cáo mắc nghiện cần tiền tiêu sài bị cáo cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo B đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách Nhiệm hình sự "Phạm tội hai lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS bị cáo có nhân thân xấu. Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử mức án nghiêm khắc, tiếp tục cách ly bị cáo khỏi cuộc sống xã hội trong một thời gian nhất định, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Hành vi phạm tội của bị cáo H là nguy hiểm, vì mục đích tư lợi trái pháp luật, bị cáo đã có hành vi xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách Nhiệm hình sự, nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng do hám lợi bị cáo vẫn thực hiện. Bị cáo H phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách Nhiệm hình sự nào trước khi phạm tội, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt. Vì vậy cần áp dụng hình phạt tù theo quy định của khung hình phạt, nhưng cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về trách Nhiệm dân sự: Bị hại chị Bùi Thị H và anh Phạm Minh S đã nhận lại tài sản của mình và không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn B phải bồi thường gì, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngày 03/6/2022, bị cáo Nguyễn Tiến H đã mua số tài sản gồm 01 máy tính Laptop nhãn hiệu “Acer” màu đen, 01 chuột máy tính có dây màu đen, 01 túi đựng laptop màu đen đã qua sử dụng do bị cáo B trộm cắp. Kết quả điều tra xác định khi mua tài sản trên H không biết là tài sản do B trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra Công an huyện H không xử lý đối với H về hành vi trên là phù hợp. Số tiền 1.800.000 đồng bị cáo H đã trả tiền cho bị cáo B mua máy tính, bị cáo B phải trả lại cho bị cáo H, tuy Nhiên tại phiên tòa bị cáo H không yêu cầu bị cáo B phải trả, nên không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 600.000 đồng bị cáo H mua điện thoại của bị cáo B, bị cáo H biết rõ tài sản do bị cáo B trộm cắp mà có, nên số tiền này cần buộc bị cáo B phải nộp lại để sung Ngân sách Nhà nước.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 máy tính Laptop nhãn hiệu “Acer” màu đen đã qua sử dụng, 01 chuột máy tính có dây màu đen đã qua sử dụng, 01 túi đựng laptop màu đen đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của chị Bùi Thị H và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 màu vàng, đã qua sử dụng, 01 ốp nhựa điện thoại màu trắng, đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của anh Phạm Minh S. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trả lại chị Hoài và anh Sang theo đúng quy định của pháp luật.

[6] Đối với anh Nguyễn Tiến Nh là người đứng ra mua hộ và trả tiền hộ bị cáo H số tài sản do B trộm cắp được vào ngày 03/6/2022 và ngày 04/6/2022. Tuy Nhiên, khi đứng ra mua và trả tiền hộ H, anh Nh không biết những tài sản trên là do B trộm cắp mà có, H và B không nói cho anh Nh biết, bản thân anh Nh cũng không được hưởng lợi gì về việc này. Vì vậy không có căn cứ xử lý đối với anh Nh về hành vi tiêu thụ tài do người khác phạm tội mà có trong vụ án này.

Đối anh Nguyễn Văn V là anh trai B khi cho B mượn xe máy nhãn hiệu Siritur biển kiểm soát 27F3-9838 vào ngày 03/6/2022 và chở B đi bán điện thoại Iphone 8 vào ngày 04/6/2022. Tuy Nhiên, anh V không biết việc B mượn xe máy đi thực hiện hành vi trộm cắp và anh V không biết B bán điện thoại là do B trộm cắp, nên không có căn cứ xử lý đối với anh V về hành vi trộm cắp với vai trò đồng phạm với B.

[7] Bị cáo B và H phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn B** phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo Nguyễn Tiến H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo B **03 năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 21/9/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm h, i, s Điều 51; Điều 50 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo H **06 tháng** tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo H cho UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo B phải nộp số tiền 600.000 đồng sung Ngân sách nhà nước.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; các bị cáo B và H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo B, H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Hoài, anh Sang vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện H;
- Công an huyện H;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Nhàn

